

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17-8-2023

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thạch Thị Tuyền**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Nguyễn Trọng Khôi**

2/ Bà **Trần Thị Kim Đồng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Kiều Phương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà ôn, tỉnh Vĩnh Long:
Bà **Nguyễn Thị Cẩm Tú** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023, về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Võ Thị Thu H**, sinh năm 1964 “vắng mặt”.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Quốc T**, sinh năm 1977 “vắng mặt”.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 25/4/2023 nguyên đơn chị Võ Thị Thu H trình bày: Chị và anh Nguyễn Quốc T kết hôn vào năm 2004 trên cơ sở tự nguyện do quen biết làm thợ hồ chung nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, thời gian chung sống lúc đầu hạnh phúc, thời gian sau phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống, anh T thường xuyên uống rượu về có hành vi đánh chị, không chung thủy có mối quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng không còn chung sống từ tháng 05 năm 2022 cho đến nay.

Nay xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý đơn của chị Võ Thị Thu H, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng phía bị đơn anh Nguyễn Quốc T không trả lời ý kiến bằng văn bản về nội dung khởi kiện của nguyên đơn và không đến tham gia phiên họp và hòa giải cho nên không tiến Hành phiên họp và hòa giải được giữa các đương sự. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập các đương sự đến tham gia phiên tòa sơ thẩm nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do và nguyên đơn cũng có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Vị đại diện Viện kiểm sát huyện Trà Ôn phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và trình tự, thủ tục xét xử của Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, người làm chứng chấp Hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp Hành đầy đủ về quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, 14 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị Thu H và anh Nguyễn Quốc T.

Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị Thu H phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Võ Thị Thu H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Quốc T, có địa chỉ ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn chị Võ Thị Thu H đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn anh Nguyễn Quốc T được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Võ Thị Thu H và anh Nguyễn Quốc T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo xác nhận ngày 25/4/2023 của Ủy ban nhân dân xã Phú Thành, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; Công văn số 17/UBND ngày 04/7/2023 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long nên việc kết hôn của chị H và anh T không có giá trị pháp lý và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo tại Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình nên không công nhận mối quan hệ giữa chị H và anh T là vợ chồng.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ so với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa nguyên đơn chị Võ Thị Thu H và bị đơn anh Nguyễn Quốc T là vợ chồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị Thu H phải nộp 300.000đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị H đã nộp theo biên lai thu số 0004068 ngày 27/4/2023 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Chị Võ Thị Thu H đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi Hành theo quy định tại Điều 2 luật thi Hành án dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi Hành án dân sự; thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn;
- Thi Hành án dân sự huyện Trà Ôn;
- Ủy ban nhân dân xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thạch Thị Tuyền